TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 208/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2018
V/v *"Tranh chấp HNGĐ, ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Hùng

Ông Huỳnh Thanh Bình

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc *"Tranh chấp HNGĐ, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2018/QĐXXST-DS ngày 25/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981;
Cư trú: 146, ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Bùi Thanh P, sinh năm 1982.
Cư trú: 795, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà L có mặt, ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 20/02/2018 cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo của bà Nguyễn Thị L trình bày: Hôn nhân của bà với ông Bùi Thanh P được cha mẹ hai bên định đoạt đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới năm 2006, có đăng ký kết hôn tại xã P vào ngày 01/8/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống tại L. Thời gian dầu sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông P không chăm lo cho gia đình, có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, bà đã khuyên ông P nhiều lần nhưng không được. Bà và ông P ly thân từ năm 2016 đến nay. Bà yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 02 con chung. 1/ Bùi Thanh N1, sinh ngày 29/9/2007. 2/ Bùi Thị Kim N2, sinh ngày 10/4/2013. Hiện nay cháu N1 và cháu N2 đang sống với bà.

Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông Bùi Thanh P theo quy định nhưng ông P vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án, mặc dù trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án có phân công cán bộ đến tại nhà của ông P làm việc nhưng vẫn không gặp ông P để ghi lời khai.

Chứng cứ thu thập được: Tại biên bản làm việc ngày 27/4/2018 được bà Đỗ Thị Y cho biết: Bà là mẹ ruột của ông Bùi Thanh P. Sau khi ông P, bà L đám cưới thì ông P về sống bên vợ tại thị trấn L, huyện A. Thời gian gần đây bà có nghe nói ông P có người phụ nữ khác nhưng không biết cụ thể như thế nào. Hiện nay ông P đi làm thuê, vài tháng về nhà một lần. Ông P vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N chung hộ khẩu với bà.

Tại biên bản xác minh ngày 27/4/2018 được ông Trần Văn D – Phó ấp P cho biết: Ông Bùi Thanh P là con của bà Đỗ Thị Y, ông P cũng là chồng của bà Nguyễn Thị L. Hiện nay ông P đi làm thuê tại Bình Dương, vài tháng về thăm nhà một lần, ông P vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương.

Tại Phiên tòa bà L bảo lưu ý kiến. Riêng ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX), xét xử vắng mặt ông P theo thủ tục chung.

Quan điểm Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị HĐXX:

Về hôn nhân: Bà L và ông P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Xét đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, việc mâu thuẫn giữa bà L và ông P không thể hàn gắn nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông P.

Về con chung: có 02 con chung. 1/ Bùi Thanh N1, sinh ngày 29/9/2007. 2/ Bùi Thị Kim N2, sinh ngày 10/4/2013. Hiện nay 02 con chung đang sống với bà L. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay thì 02 con chung đang sống với bà L. Cháu N1 cũng trình bày nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với bà Loan nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà L.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có. Nếu sau này ông P có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Thanh P. Đồng thời, ông P cư trú trên địa bàn huyện A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà L, ông P do cha mẹ định đoạt, có tổ cức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 01/8/2006 theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông P HĐXX xét thấy thời gian ly thân giữa bà L, ông P đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Việc bà L trình bày thường ông P có người phụ nữ khác đánh phù hợp với lời trình bày của bà Đỗ Thị Y (mẹ ruột ông P). HĐXX xét thấy mâu thuẩn của bà L và ông P không thể hàn gắn nên HĐXX chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà L theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà L, ông P có 02 con chung. 1/ Bùi Thanh N1, sinh ngày 29/9/2007. 2/ Bùi Thị Kim N2, sinh ngày 10/4/2013. Hiện nay cháu N1 và cháu N2 đang sống với bà. Bà L yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay thì 02 con chung đang sống với bà L. Cháu N1 cũng trình bày nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với bà L. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của 02 con chung, HĐXX nghĩ nên chấp nhận để cho bà Loan tiếp tục nuôi dạy 02 con chung là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX công nhận sự tự nguyện của bà L.

HĐXX cũng giải thích cho các đương sự biết: Bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân. Các bên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b, khoản 6, Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: **Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.**

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Bùi Thanh P.

Về con chung: Bà L được tiếp tục nuôi dạy con chung Bùi Thanh N1, sinh ngày 29/9/2007 và Bùi Thị Kim N2, sinh ngày 10/4/2013.

Bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002823 ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. (bà L đã nộp đủ)

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/6/2018) bà L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn này đối với ông P được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Việt Quốc